

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 3
TỈNH QUẢNG TRỊ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 14/2025/TCDS-ST
Ngày: 24 - 9 - 2025
V/v Tranh chấp
hợp đồng cầm cố và đòi lại tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3, TỈNH QUẢNG TRỊ**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trương Thị Hà

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Phan Hải Phú
- Bà Trần Thị Ngọc Lan

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Như Bình - Thư ký Tòa án

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 tham gia phiên tòa: Ông Mai Anh Sơn - Kiểm sát viên

Ngày 24 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 3, tỉnh Quảng Trị, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 28/2025/TLST-TCDS ngày 31/7/2025 về việc “Tranh chấp hợp đồng cầm cố và đòi lại tài sản”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 11A/2025/QĐXXST-TCDS ngày 22/8/2025, Quyết định hoãn phiên tòa số 14/2025/QĐST-TCDS ngày 08/9/2025, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Công ty C

Địa chỉ: 128 Nguyễn Du, phường B, thành phố V, tỉnh Nghệ An

Người đại diện theo pháp luật: Ông K - Giám đốc Công ty C

Người đại diện theo uỷ quyền: Ông Trần Chính L, sinh năm 1996

Địa chỉ: 362 Trần Hưng Đạo, phường N, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình (nay là 362 Trần Hưng Đạo, phường Đ, tỉnh Quảng Trị). Có mặt.

2. Bị đơn: Bà Cao Thị C, sinh năm 1994

Địa chỉ: Thôn V, xã Q, thị xã B, tỉnh Quảng Bình (Nay là thôn V, phường B, tỉnh Quảng Trị). Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 28/4/2025, bản tự khai, quá trình hòa giải và tại phiên tòa, người đại diện nguyên đơn trình bày:

Ngày 28/12/2024, bà Cao Thị C và Công ty C (Sau đây gọi tắt là Công ty S) đã ký kết Hợp đồng cầm cố số 1BM241201.006NA23H tại Chi nhánh Quảng Bình - Ba Đồn 1 của Công ty Sawad. Theo đó, Công ty Sawad cho bà Cao Thị C cầm cố tài sản là 01 xe mô tô 02 bánh nhãn hiệu Honda Vario, màu đen bạc, biển kiểm soát 73K1- 267.39, số khung RLHKF5605PZ003705, số máy KF56E0009742; Số Giấy chứng nhận đăng ký xe số 008635 do Công an thị xã B, tỉnh Quảng Bình cấp ngày 13/11/2023 nhằm mục đích đảm bảo cho số tiền cầm cố là 24.627.659,57 đồng. Thời hạn cầm cố là 12 tháng (Từ ngày 28/12/2024 đến ngày 28/12/2025), lãi suất là 1.1%/tháng, mục đích phục vụ tiêu dùng cá nhân và kinh doanh. Theo Hợp đồng đã ký kết, Công ty S đã giải ngân đầy đủ số tiền cầm cố cho bà Cúc. Tuy nhiên, vì có nhu cầu cần có xe đi lại hàng ngày nên Công ty S đã ký giấy cho bà C thuê lại chiếc xe mà bà C đã cầm cố cho Công ty để bà C sử dụng. Theo thỏa thuận thuê tài sản thì thời hạn thuê xe từ ngày 28/12/2024 đến ngày 28/12/2025, địa điểm trả xe là tại Chi nhánh Quảng Bình - Ba Đồn 1.

Quá trình thực hiện hợp đồng, bà C chưa thanh toán đúng nghĩa vụ theo Hợp đồng cho Công ty. Thời gian vi phạm từ ngày 28/01/2025, đến tại thời khởi kiện (Ngày 28/4/2025), bà C đã quá hạn 90 ngày, bà C không trả nợ và cũng không trả lại xe cho Công ty S. Mặc dù Công ty S đã liên hệ nhiều lần bằng nhiều hình thức khác nhau cho bà C để đôn đốc, tạo điều kiện cho bà C thực hiện nghĩa vụ trả nợ và tài sản là chiếc xe mô tô nói trên nhưng bà C vẫn không thực hiện được. Do đó, Công ty S khởi kiện đến Tòa án nhân dân khu vực 3 để yêu cầu Tòa án: Buộc bà Cao Thị C phải thực hiện nghĩa vụ theo hợp đồng cầm cố và giấy thỏa thuận thuê tài sản đã ký với Công ty S với tổng số tiền tạm tính đến ngày 28/4/2025 là 33.111.882 đồng, trong đó có 24.627.659 đồng nợ gốc, 812.712 đồng nợ lãi trong hạn, 1.219.068 đồng nợ lãi quá hạn, 4.359.093 đồng phí thuê tài sản, 369.414 đồng phí quản lý hồ sơ, 1.723.936 đồng phí thanh lý hợp đồng trước hạn. Đồng thời, buộc bà Cao Thị C phải tiếp tục thanh toán khoản lãi suất, phí phát sinh theo hợp đồng cầm cố đã ký kết ngày 28/12/2024 cho đến khi thanh toán xong hết nợ.

Tại phiên tòa, đại diện nguyên đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với phí thanh lý hợp đồng trước hạn là 1.723.936 đồng và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giải quyết: buộc bà Cao Thị C phải thanh toán cho Công ty S số tiền còn nợ tính đến ngày xét xử (24/9/2025) là 40.401.666 đồng, trong đó có 24.627.659 đồng nợ gốc, 1.896.329 đồng nợ lãi trong hạn, 2.844.493 đồng nợ lãi quá hạn, 10.171.217 đồng phí thuê tài sản, 861.968 đồng phí quản lý hồ sơ và số

tiền lãi phát sinh theo hợp đồng cầm cố đã ký kết kể từ ngày 25/9/2025 cho đến khi thanh toán hết nợ. Khi bà Cao Thị C thanh toán hết nợ cho Công ty S thì Công ty sẽ trả lại cho bà C bản chính Giấy chứng nhận đăng ký xe số 008635 do Công an thị xã B, tỉnh Quảng Bình cấp ngày 13/11/2023

Trường hợp bà Cao Thị C không thanh toán số tiền nợ theo hợp đồng cầm cố đã ký kết thì buộc bà C phải thực hiện nghĩa vụ trả lại chiếc xe mô tô đã cầm cố (Có các đặc điểm theo hợp đồng đã nêu trên) cho Công ty S.

Về phía bị đơn bà Cao Thị C: Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án và triệu tập đến hòa giải nhiều lần nhưng bà C đều vắng mặt không rõ lý do và không gửi ý kiến bằng văn bản cho Tòa án biết nên Tòa án không thể tổ chức để các đương sự hòa giải được.

Theo kết quả xác minh tại Công an phường B và Ủy ban nhân dân phường B cho thấy: bà Cao Thị C hiện vẫn có hộ khẩu thường trú và có mặt tại địa phương thôn V, xã Q, thị xã B, tỉnh Quảng Bình (Nay là thôn V, phường B, tỉnh Quảng Trị). Bà C đã nhận được đầy đủ các văn bản, giấy tờ do Tòa án tổng đạt, tuy nhiên không chấp hành theo thông báo, triệu tập của Tòa án, vắng mặt không có lý do.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng, quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật. Nguyên đơn tuân thủ nghiêm chỉnh sự triệu tập của Tòa án, thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của mình, bị đơn mặc dù được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt, gây khó khăn cho việc giải quyết vụ án.

- Về nội dung: Căn cứ quy định tại khoản 3 Điều 26, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 144, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 244 Bộ luật Tố tụng Dân sự; các Điều 280, 299, 303, 304, 309, 310, 311, 312, 313, 314, 466, 468 Bộ luật Dân sự:

+ Xét xử vắng mặt bị đơn bà Cao Thị C.

+ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn Công ty S đối với bà Cao Thị C; buộc bà C phải trả cho Công ty S số tiền tính đến ngày 24/9/2025 là 40.401.666 đồng, trong đó có 24.627.659 đồng nợ gốc, 1.896.329 đồng nợ lãi trong hạn, 2.844.493 đồng nợ lãi quá hạn, 10.171.217 đồng phí thuê tài sản, 861.968 đồng phí quản lý hồ sơ và số tiền lãi phát sinh theo hợp đồng cầm cố đã ký kết kể từ ngày 25/9/2025 cho đến khi thanh toán hết nợ gốc, lãi, phí và phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi của số tiền nợ gốc cầm cố chưa thanh toán theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong Hợp đồng cầm cố số 1BM241201.006NA23H ngày 28/12/2024 đến khi bà C thanh toán xong khoản nợ gốc.

+ Đình chỉ giải quyết một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc bà C phải thanh toán phí thanh lý hợp đồng trước hạn số tiền là 1.723.936 đồng.

+ Trường hợp bà C không thanh toán được các khoản tiền nợ cầm cố nêu trên cho Công ty S thì tài sản cầm cố là chiếc xe mô tô biển kiểm soát 73K1-267.39, Giấy chứng nhận đăng ký xe số 008635 do Công an thị xã B, tỉnh Quảng Bình cấp ngày 13/11/2023 theo Hợp đồng cầm cố được ký kết giữa bà C và Công ty cổ phần S sẽ được xử lý theo quy định pháp luật để đảm bảo thi hành án.

- Về án phí: Căn cứ vào các khoản 1, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, buộc bà C phải chịu án phí sơ thẩm có giá ngạch của số tiền là 2.020.000 đồng, hoàn trả cho Nguyên đơn Công ty cổ phần S số tiền tạm ứng án phí 828.000 đồng mà nguyên đơn đã nộp tại Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Trị tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000426 ngày 30/7/2025.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

- Về quan hệ pháp luật: Tranh chấp giữa Nguyên đơn và bị đơn là Công ty S và bà Cao Thị C phát sinh từ việc thực hiện Hợp đồng cầm cố số 1BM241201.006NA23H tại Chi nhánh Quảng Bình - Ba Đồn 1 của Công ty Sawad ngày 28/12/2024 giữa hai bên; Công ty Sawad yêu cầu bà Cao Thị C trả số tiền còn nợ theo Hợp đồng cầm cố và Thỏa thuận thuê tài sản đã ký kết với Công ty S. Do đó, quan hệ pháp luật trong vụ án này được xác định là “Tranh chấp hợp đồng cầm cố và đòi lại tài sản” theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng Dân sự và Điều 309 Bộ luật Dân sự.

- Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Bà Cao Thị C có nơi đăng ký hộ khẩu thường trú tại thôn V, xã Q, thị xã B, tỉnh Quảng Bình (Nay là thôn V, phường B, tỉnh Quảng Trị). Vì vậy, theo quy định tại Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết vụ án của Tòa án nhân dân khu vực 3, tỉnh Quảng Trị.

- Về sự vắng mặt của bị đơn: bà Cao Thị C mặc dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 11A/2025/QĐXXST-TCDS ngày 22/8/2025 và Giấy triệu tập đến phiên tòa lần thứ nhất để xét xử vào ngày 08/9/2025 nhưng bị đơn vắng mặt nên Hội đồng xét xử đã hoãn phiên tòa. Sau đó, Tòa án tiếp tục tổng đạt Quyết định hoãn phiên tòa số 14/2025/QĐST-TCDS ngày 08/9/2025 và Giấy triệu tập đến phiên tòa lần thứ hai, tuy nhiên, tại phiên tòa hôm nay bị đơn

bà Cao Thị C vẫn không có mặt. Do đó, cần căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng Dân sự xét xử vụ án vắng mặt bị đơn bà Cao Thị C.

[3] Về yêu cầu của Nguyên đơn:

[3.1] Tại phiên tòa, nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện, về khoản tiền phí thanh lý hợp đồng trước hạn đối với số tiền là 1.723.936 đồng. Hội đồng xét xử xét thấy việc rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với khoản tiền phí thanh lý hợp đồng trước hạn của Nguyên đơn là hoàn toàn tự nguyện, nên căn cứ vào khoản 2 Điều 244 Bộ luật Tố tụng Dân sự, đình chỉ xét xử đối với yêu cầu này của nguyên đơn.

[3.2] Xét yêu cầu của Công ty S buộc bà Cao Thị C phải có nghĩa vụ thanh toán cho Công ty S số tiền còn nợ tính đến ngày 24/9/2025 là 40.401.666 đồng, trong đó có 24.627.659 đồng nợ gốc, 1.896.329 đồng nợ lãi trong hạn, 2.844.493 đồng nợ lãi quá hạn, 10.171.217 đồng phí thuê tài sản, 861.968 đồng phí quản lý hồ sơ và số tiền lãi phát sinh theo hợp đồng cầm cố đã ký kết kể từ ngày 25/9/2025 cho đến khi thanh toán hết nợ. Hội đồng xét xử xét thấy:

Hợp đồng cầm cố số 1BM241201.006NA23H tại Chi nhánh Quảng Bình - Ba Đồn 1 của Công ty S ngày 28/12/2024 và Thỏa thuận thuê tài sản ngày 28/12/2024 được ký kết giữa Công ty S và bà Cao Thị C là hoàn toàn tự nguyện, về hình thức và nội dung đều tuân thủ theo đúng quy định tại Điều 119 của Bộ luật Dân sự nên có hiệu lực pháp luật, làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên giao kết hợp đồng. Trong quá trình thực hiện hợp đồng, bà Cao Thị C đã vi phạm nghĩa vụ trả tiền. Do đó, yêu cầu khởi kiện của Công ty S đối với bà Cao Thị C về việc trả nợ số tiền gốc 24.627.659,57 đồng là có cơ sở và phù hợp với Điều 2 của Hợp đồng cầm cố số 1BM241201.006NA23H ngày 28/12/2024 đã ký kết giữa các bên, phù hợp với quy định tại Điều 280, Điều 466 của Bộ luật Dân sự nên cần được chấp nhận.

Đối với số tiền nợ lãi trong hạn và nợ lãi quá hạn: Tại Hợp đồng cầm cố số 1BM241201.006NA23H ngày 28/12/2024, quy định mức lãi suất thỏa thuận là 1.1%/tháng, lãi suất quá hạn là 150% mức lãi suất cầm cố trong hạn được áp dụng tại thời điểm chuyển nợ quá hạn. Căn cứ vào khoản 6 Điều 29 của Nghị định 96/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ quy định điều kiện về an ninh, trật tự đối với một số ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện quy định “*Tỷ lệ lãi suất cho vay tiền khi nhận cầm cố tài sản không vượt quá tỷ lệ lãi suất theo quy định của Bộ luật Dân sự*” và đối chiếu với quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự “*Trường hợp các bên có thỏa thuận về lãi suất thì lãi suất theo thỏa thuận không được vượt quá 20%/năm của khoản tiền vay, trừ trường hợp luật khác có liên quan quy định khác*”. Như vậy, việc thỏa thuận mức lãi suất, lãi suất quá hạn của Công ty Sawad và bà Cao Thị C tại Hợp đồng cầm cố nêu trên phù hợp với

quy định của pháp luật. Do đó, Công ty S yêu cầu tiền lãi suất trong hạn là 1.896.329 đồng và lãi suất quá hạn kể từ ngày 28/01/2025 đến ngày xét xử sơ thẩm 24/9/2025 là 2.844.493 đồng là có căn cứ nên cần được chấp nhận.

Đối với số tiền phí thuê tài sản: Sau khi ký kết Hợp đồng cầm cố số 1BM241201.006NA23H ngày 28/12/2024, do bà C không có phương tiện đi lại nên đã ký Thỏa thuận thuê tài sản ngày 28/12/2024 để thuê lại tài sản đã cầm cố với Công ty S là chiếc xe mô tô 02 bánh nhãn hiệu Honda Vario, màu đen bạc, biển kiểm soát 73K1- 267.39, số khung RLHKF5605PZ003705, số máy KF56E0009742; Số Giấy chứng nhận đăng ký xe số 008635 do Công an thị xã B, tỉnh Quảng Bình cấp ngày 13/11/2023, thời hạn thuê từ ngày 28/12/2024 đến ngày 28/12/2025 và phí thuê tài sản là 1.453.031,91 đồng/tháng. Xét thấy việc các bên thỏa thuận cho nhau thuê xe mô tô nhãn hiệu Honda Vario, biển kiểm soát 73K1- 267.39 khi đã cầm cố là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với quy định tại khoản 3 Điều 314 Bộ luật Dân sự. Tuy nhiên, đến nay đã hết thời hạn thuê xe, bà C không trả lại xe và phí thuê xe cho Công ty S như đã thỏa thuận và ký kết nên bà C đã vi phạm cam kết trong Thỏa thuận thuê tài sản ngày 28/12/2024. Vì vậy, yêu cầu của Công ty S buộc bà C phải trả tiền phí thuê tài sản tính từ ngày 28/12/2024 đến ngày 24/9/2025 là 10.171.217 đồng cho Công ty S là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3, tỉnh Quảng Trị đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn, đình chỉ xét xử đối với số tiền phí thanh lý hợp đồng trước hạn là 1.723.936 đồng, ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3, tỉnh Quảng Trị phù hợp với nhận định nêu trên nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Từ những phân tích đã nêu trên, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Công ty S. Buộc bà Cao Thị C có nghĩa vụ thanh toán cho Công ty S số tiền còn nợ tính đến ngày 24/9/2025 là 40.401.666 đồng, trong đó có 24.627.659 đồng nợ gốc, 1.896.329 đồng nợ lãi trong hạn, 2.844.493 đồng nợ lãi quá hạn, 10.171.217 đồng phí thuê tài sản, 861.968 đồng phí quản lý hồ sơ và số tiền lãi phát sinh theo hợp đồng cầm cố đã ký kết kể từ ngày 25/9/2025 cho đến khi thanh toán hết nợ

[5] Về án phí:

Do yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn bà Cao Thị C phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 2.020.000 đồng theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Trả lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp cho nguyên đơn Công ty S

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 244, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự; các Điều 280, 299, 303, 304, 307, 309, 310, 311, 312, 313, 314, 315, 316, 466, 468 Bộ luật Dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

1. Xét xử vụ án vắng mặt bị đơn bà Cao Thị C.

2. Đình chỉ xét xử đối với một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty cổ phần S, về việc yêu cầu bà Cao Thị C trả số tiền phí thanh lý hợp đồng trước hạn là 1.723.936 đồng (*Một triệu bảy trăm hai mươi ba nghìn chín trăm ba mươi sáu đồng*).

3. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện nguyên đơn Công ty cổ phần S đối với bà Cao Thị C về việc tranh chấp hợp đồng cầm cố tài sản và đòi lại tài sản. Buộc bà Cao Thị C phải trả cho Công ty cổ phần S số tiền còn nợ tính đến ngày 24/9/2025 là 40.401.666 đồng, trong đó nợ gốc 24.627.659 đồng, nợ lãi trong hạn 1.896.329 đồng, nợ lãi quá hạn 2.844.493 đồng, phí thuê tài sản 10.171.217 đồng và phí quản lý hồ sơ 861.968 đồng.

Trường hợp bà Cao Thị C trả hết nợ thì Công ty cổ phần S phải trả lại cho bà Cao Thị C bản chính Giấy chứng nhận đăng ký xe số 008635 do Công an thị xã Ba Đồn, tỉnh Quảng Bình cấp ngày 13/11/2023.

Buộc bà Cao Thị C phải trả lại xe mô tô biển kiểm soát 73K1- 267.39 cho nguyên đơn trong trường hợp bà C không thanh toán đủ số tiền theo hợp đồng.

“Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (24/9/2025) cho đến khi thi hành xong các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong Hợp đồng cầm cố số 1BM241201.006NA23H ngày 28/12/2024 và theo Thỏa thuận thuê tài sản ngày 28/12/2024 kể từ ngày 25/9/2025 cho đến khi thanh toán xong hết nợ”.

4. Về án phí:

- Buộc bà Cao Thị C phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 2.020.000 đồng (*Hai triệu không trăm hai mươi nghìn đồng*) để nộp vào Ngân sách Nhà nước.

- Trả lại cho Công ty cổ phần S số tiền 828.000 đồng (*Tám trăm hai mươi tám nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Trị theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000426 ngày 30/7/2025.

5. Về quyền kháng cáo: Án xử sơ thẩm, các đương sự được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (Đối với người có mặt) và trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án (Đối với người vắng mặt).

6. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Trị;
- VKSND tỉnh Quảng Trị;
- VKSND Khu vực 3;
- THADS tỉnh Quảng Trị;
- Các đương sự;
- Lưu: HSVA, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Tưởng Thị Hà